

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HÌNH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24/3/2025
“V/v Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Đông.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Thái và ông Niê Y Ling

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở TAND huyện Sông Hình tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 199/2024/TLST-HNGĐ, ngày 19/12/2024 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2025 của TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Tuyết T, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Chí H, sinh năm 1983; địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên. Anh H vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 06/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Tuyết T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và bị đơn anh Nguyễn Chí H tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên năm 2012. Vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chung thủy, ngoại tình bỏ nhà đi theo người đàn bà khác từ 3 năm trước, sau đó thì bị bắt và đang chấp hành án tại trại giam S đóng tại huyện T, tỉnh Nghệ An. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Chí T1, sinh ngày 28/7/2013 và Nguyễn Gia U sinh ngày 19/8/2017 hiện sống cùng mẹ. Chị T yêu cầu được nuôi 2 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Chí H trình bày: Vợ chồng có đăng ký kết hôn và có mâu thuẫn trầm trọng. Về con, anh H thống nhất giao 2 con chung Nguyễn Chí T1, sinh ngày 28/7/2013 và Nguyễn Gia U sinh ngày 19/8/2017 cho chị T nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về tài sản, nợ chung không có nên không yêu cầu toà án giải quyết. Anh H đang bị chấp hành án phạt tù tại trại tạm giam số 6, cục C, Bộ C1 nên đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị T khởi kiện xin ly hôn với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ là tranh chấp ly hôn, giải quyết trách nhiệm nuôi con. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Buôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện tìm hiểu, chung sống từ năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên nguyện vọng được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Chí H vì xét thấy không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nên không thể tiếp tục chung sống. Anh H trình bày vợ chồng có mâu thuẫn, đã không còn chung sống từ lâu, nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

[3]. Về con chung: Có 2 con chung Nguyễn Chí T1, sinh ngày 28/7/2013 và Nguyễn Gia U sinh ngày 19/8/2017. Anh H và chị T thống nhất giao con cho chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của các bên, phù hợp với nguyện vọng của các con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)

tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0001987 ngày 19/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Tuyết T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Tuyết T được ly hôn bị đơn anh Nguyễn Chí H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Chí T1, sinh ngày 28/7/2013 và Nguyễn Gia U sinh ngày 19/8/2017 cho chị Đỗ Thị Tuyết T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng quyền thăm nuôi con để gây ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của người trực tiếp nuôi con.

Trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, vì quyền lợi của con, khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Tuyết T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số 0001987 ngày 19/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hình. Chị Đỗ Thị Tuyết T đã thi hành xong phần án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản

án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- CCTHADS huyện Sông Hinh;
- UBND phường 5, TP Tuy Hoà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Đông

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Hồng Thái

Niê Y Ling

Lương Thị Đông